TÒA ÁN NHÂ DÂ **HUYỆN UH-TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 8 năm 2022
(V/v: Tranh chấp Hôn nhÂ gia đình)

NHÂ DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂ DÂ HUYỆN UH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện.

Các Hội thẩm nhÂ dÂ: Bà Nguyễn Thị VÂ; Ông Đặng Viết Côi.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tưởng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhÂ dÂ huyện UH, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhÂ dÂ huyện UH tham gia phiên toà:*

Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhÂ dÂ huyện UH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về Tranh chấp Hôn nhÂ và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2022/QĐHPT-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn*****:** Anh Trần Quang P, sinh năm 1988; Nơi ĐKHKTT: phố TĐN, thị trấn VĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội

**** Bị đơn*****:** Chị Đặng Thị Huyền C, sinh năm 1991; Nơi ĐKHKTT: phố TĐN, thị trấn VĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội.

(Anh P và chị C đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, anh Trần Quang Đạt là nguyên đơn trình bày: Anh và chị Đặng Thị Huyền C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngũ Đoan – Kiến Thụy – Hải Phòng năm 2012. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau bình thường, chỉ thỉnh thoảng mới phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, mâu thuẫn xong rồi lại thôi. Tuy nhiên, đến năm 2021 mâu thuẫn vợ chồng anh trở nên căng thẳng hơn do nảy sinh quan điểm về cuộc sống trái ngược nhau, thường xuyên xảy ra bất đồng, không tìm được tiếng nói chung

với nhau nữa. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thăng nên anh chị sống ly thÂ khoảng một năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh nhận thấy anh không còn tình cảm gì với chị C nữa, anh không muốn tiếp tục chung sống với chị C nữa, anh và chị C không có gì để níu kéo nên anh làm đơn xin được ly hôn chị C để ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: anh chị có 02 con chung: Trần Gia B, sinh ngày 13/6/2013 và Trần Thiên Â, sinh ngày 18/3/2019. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh chị không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đặng Thị Huyền C: Không có ý kiến trình bày gì.

Tại biên bản xác minh ngày 08/6/2022, chính quyền địa phương - thị trấn VĐ cung cấp: chị Đặng Thị Huyền C là người gốc ở ấp PT, phường PB, huyện PH, tỉnh Hậu Giang; còn anh Trần Quang P là người gốc ở thôn ĐT, xã NĐ, huyện KT, thành phố Hải Phòng. Chị C và anh P không đăng ký kết hôn ở UBND thị trấn VĐ nhưng khi làm thủ tục nhập hộ khẩu thì chính quyền địa phương được biết chị C và anh P có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngũ Đoan – Kiến Thụy – Hải Phòng. Từ năm 2018 cho đến nay thì vợ chồng anh P chị C đăng ký hộ khẩu thường trú tại phố TĐN, thị trấn VĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội. Vì anh P và chị C làm nghề lao động tự do nên chính quyền địa phương không biết rõ cuộc sống gia đình cũng như nguyên nhÂ mâu thuẫn vợ chồng anh P chị C cụ thể là như thế nào. Chỉ biết anh P và chị C có mâu thuẫn và hiện đang sống ly thÂ được một thời gian. Anh P và chị C có 02 con chung : Trần Gia B, sinh ngày 13/6/2013 và Trần Thiên Â, sinh ngày 18/3/2019.

Chị Đặng Thị Huyền C có đăng lý thường trú và sinh sống tại phố TĐN, thị trấn VĐ, huyện UH, thành phố Hà Nội. Nhưng thời gian gần đây chị C sống ly thÂ với anh P nên thường xuyên vắng mặt tại địa phương, thỉnh thoảng mới thấy chị C xuất hiện, chính quyền địa phương không biết chị C đi đâu, làm gì cũng không biết chỗ làm việc hay chỗ ở mới của chị C nên việc tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị C không thực hiện được.

Nay anh P có đơn xin ly hôn chị C, quan điểm chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, anh P và chị C đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhÂ dÂ huyện UH phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dÂ sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự được trình bày quan

điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết cho anh P được ly hôn với chị C; giao anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Trần Gia B; giao chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Trần Thiên Â; chị C và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau cho đến khi có thay đổi mới hoặc có đề nghị khác; anh P phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ- ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Quang P làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhÂ và gia đình, Tòa án nhÂ dÂ huyện UH tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền, Tòa án đã triệu tập chị C đến Tòa để hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng chị C vẫn vắng mặt không có lý do, anh P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dÂ sự.

[2] Về hôn nhÂ: Anh Trần Quang P và chị Đặng Thị Huyền C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã NĐ - KT – Hải Phòng ngày 26/12/2012 là hôn nhÂ hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhÂ theo anh P trình bày là do bất đồng quan điểm, không thể tìm được tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn căng thẳng. Vì mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng nên chị C và anh P đã sống ly thÂ 01 năm nay. Anh P cương quyết xin được ly hôn với chị C; chị C không về Tòa án làm việc, trình bày quan điểm.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị C và anh P là căng thẳng, có thời gian sống ly thÂ dài, hôn nhÂ giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhÂ không đạt được, chị C đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc trình bày quan điểm thể hiện sự bỏ mặc, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của anh P là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhÂ và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị C và anh P có 02 con chung là Trần Gia B, sinh ngày 13/6/2013 và Trần Thiên Â, sinh ngày 18/3/2019. Anh P có nguyện vọng sau khi ly hôn anh được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con cho anh. Xét, hiện nay, cháu B đang ở với anh P, cháu Â đang ở với chị

C, cháu Â mới được gần 41 tháng tuổi, vẫn còn quá nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Chị C không đến Tòa án để trình bày quan điểm cũng như nguyện vọng. Do đó, để ổn định môi trường sống cho các cháu nhỏ, đảm B sự phát triển về tâm sinh lý của các cháu và để các cháu được chăm sóc, giáo dục trong môi trường tốt nhất thì giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay là hợp lý, cụ thể: giao anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Trần Gia B, giao anh chị C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Trần Thiên Â; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh P và chị C cho đến khi có yêu cầu hoặc có thay đổi mới là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Anh P không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết; Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong bản án này.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh P phải nộp án phí; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật DÂ sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhÂ và gia đình (năm 2014); khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng DÂ sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhÂ: Anh Trần Quang P được ly hôn chị Đặng Thị Huyền C.

2. Về con chung: Chị Đặng Thị Huyền C và anh Trần Quang P có 02 con chung là: Trần Gia B, sinh ngày 13/6/2013 và Trần Thiên Â, sinh ngày 18/3/2019. Giao cháu Trần Gia B cho anh Trần Quang P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao cháu Trần Thiên An cho chị Đặng Thị Huyền C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh P và chị C cho đến khi có yêu cầu hoặc có thay đổi khác.

Sau ly hôn anh P và chị C đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh h- ởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục con thì ng- ời trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của ng- ời đó.

3. Về án phí: Anh Trần Quang P phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0057538 ngày 03 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án DÂ sự huyện UH, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú đối với đương sự vắng mặt./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- Chi cục THADS huyện UH;
- UBND xã nơi đã ĐKKH;
- Các đ- ơng sự;
- - L- u h/s; v/p./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thiện